Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 08.11.2022 09:3

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CH NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2332/QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí về điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 và Luật số 24/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP *ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;*

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (MTQGXDNTM) giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí về điện nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao ban hành kèm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban

hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã, huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quyết định số 4293/QĐ - BCT ngày 28 tháng 10 năm 2016; Quyết định số 5131/QĐ - BCT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chánh văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo; Cục trưởng Cục Công Thương địa phương; Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam; thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- BCĐTƯ CTMTQG xây dựng NTM (để báo cáo);
- BCĐ CTMTQG xây dựng NTM các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, ĐL(03).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đặng Hoàng An

PHỤ LỤC

Phương pháp đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí về điện nông thôn mới thông qua phương pháp nhận dạng giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm 2022)

STT	Mục đánh giá	Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
I	**Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định (Tiêu chí 4.1)**				**Đạt**	
1	**Lưới điện cao áp**				**Đạt**	
1.1	**Hồ sơ pháp lý**				**Đạt**	
1.1.1	Thủ tục, hồ sơ	Dự án/công trình/hạng mục đầu tư	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Có hồ sơ, có Quyết định phê duyệt	Đạt	Trường hợp không có hoặc thất lạc hồ sơ, chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xác nhận đủ pháp lý
1.1.2		Hồ sơ thiết kế			Đạt	
1.1.3		Hồ sơ nghiệm thu			Đạt	
1.2	**An toàn điện**				**Đạt**	
1.2.1			Với đường dây không điện áp đến 35 kV nếu sử dụng dây trần: Khi xây dựng, cải tạo đoạn đường dây dẫn điện cao áp trên không vượt qua nhà ở, công trình có người sinh sống, làm việc bên trong; nơi thường xuyên tập trung đông người; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; khu di tích lịch sử - văn hoá, danh	≥ 14 m	Đạt	

			lam thắng cảnh đã được Nhà nước xếp hạng phải tăng cường các biện pháp an toàn về điện			
1.2.2	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về an toàn điện	Khoảng cách thẳng đứng nhỏ nhất từ điểm thấp nhất của dây dẫn ở trạng thái võng lớn nhất đến trong các chế độ làm việc bình thường của đường dây	Xây dựng trong trường hợp đặc biệt với đường dây không điện áp đến 35 kV nếu sử dụng dây bọc	≥ 11 m	Đạt	
1.2.3			Đến mặt đất tự nhiên khu vực đông dân cư	≥ 7,0 m	Đạt	
1.2.4			Đến mặt đất tự nhiên khu vực ít dân cư	≥ 5,5 m	Đạt	
1.2.5			Đến mặt đất tự nhiên khu vực khó đến	≥ 4,5 m	Đạt	
1.2.6			Đến mặt đường ô tô	≥ 7,0 m	Đạt	
1.2.7			Đến mặt ray đường sắt	≥ 9,0 m	Đạt	
1.2.8			Đến mức nước cao nhất ở sông, hồ, kênh có tàu thuyền qua lại	tĩnh không + 1,5 m	Đạt	
1.2.9			Đến bãi sông và nơi ngập nước không có thuyền bè qua lại	≥ 5,5 m	Đạt	
1.2.10			Đến mức nước cao nhất trên sông, hồ, kênh mà thuyền bè và người không thể qua lại được	≥ 2,5 m	Đạt	
1.2.11			Từ đường điện áp 22 kV đến đường dây có cấp điện áp thấp hơn	≥ 2,0 m	Đạt	
1.2.12			Từ đường điện áp 35 kV đến đường dây có cấp điện áp thấp hơn	≥ 3,0 m	Đạt	
1.2.13			Đến đường dây thông tin	≥ 3,0 m	Đạt	

1.2.14			Đến mặt đê, đập		≥ 6,0 m	Đạt	
1.2.15		Chiều rộng hành lang giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng	Khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh	Dây bọc 22 kV	≥ 1,0 m	Đạt	Không có cây có thể đổ hoặc xô cành vào dây dẫn điện.
1.2.16				Dây bọc 35 kV	≥ 1,5 m	Đạt	
1.2.17				Dây trần 22 kV	≥ 2,0 m	Đạt	
1.2.18				Dây trần 35 kV	≥ 3,0 m	Đạt	
1.2.19		Cáp ngầm	Cáp ngầm: Đường cáp điện đi trên mặt đất hoặc trên không, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp được giới hạn về các phía tính từ mặt ngoài của sợi cáp ngoài cùng trở ra		≥ 0,5 m	Đạt	
1.2.20		Biển báo an toàn	Có Biển báo cấm; Biển báo nguy hiểm, cảnh báo; Biển chỉ dẫn; Biển báo an toàn		100%	Đạt	
1.2.21		An toàn cho người và vật nuôi	Dây nối đất: dây nối từ xà, dây néo hoặc dây trung tính đến cọc tiếp địa		Không bị gỉ sắt hoặc đứt, có nối vào cọc tiếp đất	Đạt	
1.3	**Cung cấp điện**					**Đạt**	
1.3.1	Nguồn điện cung cấp	Đảm bảo về nguồn cấp	Dòng điện làm việc lớn nhất của dây dẫn		Nhỏ hơn dòng điện phát nóng dây dẫn	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết qua để đánh giá: **đạt/không đạt**

1.3.2		Đảm bảo điện áp	Điện áp tại đầu ra phía cuối đường dây	không vượt quá +5%; -10% điện áp định mức	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
1.4	**Kết cấu chịu lực**				**Đạt**	
1.4.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về kết cấu chịu lực	Cột bê tông	Xác định mức độ vỡ, nứt bê tông	Không để hở cốt thép bên trong	Đạt	
1.4.2			Độ nghiêng dọc hoặc ngang tuyến chiếu xuống từ ngọn cột	Không nghiêng quá 1/150 x H	Đạt	H: Chiều cao cột
1.4.3		Cột thép	Xác định các thanh thép và bu lông	Đủ các thanh thép không bị cong; sơn hoặc mạ chống gỉ không bị bong	Đạt	
1.4.4			Độ nghiêng dọc hoặc ngang tuyến chiếu xuống từ ngọn cột	Không nghiêng quá 1/200 x H	Đạt	H: Chiều cao cột
1.4.5		Kết cấu hỗ trợ chịu lực	Dây néo thép, thanh chống	Có bảo vệ chống gỉ theo quy định	Đạt	
1.4.6			Móng néo	Được bảo vệ chống xói lở	Đạt	
1.4.7		Móng cột	Móng bê tông, trụ …	Được bảo vệ không bị xói lở	Đạt	

1.4.8		Xà giá đỡ	Xà đỡ, néo dây điện	Được bảo vệ chống gỉ, không bị vặn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa	Đạt	
1.4.9			Giá đỡ và kết cấu khác	Được bảo vệ chống gỉ, không bị vặn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa	Đạt	
1.5	**Vận hành**				Đạt	
1.5.1	Nhận dạng về quy trình vận hành	Các quy trình vận hành	Quy trình kiểm tra an toàn vận hành	Có quy trình đầy đủ	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
1.5.2			Quy trình sửa chữa, khắc phục sự cố	Có quy trình đầy đủ	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
2	**Trạm biến áp phân phối**				Đạt	
2.1	**Hồ sơ pháp lý**				Đạt	
2.1.1	Thủ tục, hồ sơ	Dự án đầu tư	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Có hồ sơ, có Quyết định phê duyệt	Đạt	Trường hợp không có hoặc thất lạc hồ sơ, chủ đầu tư báo

2.1.2		Hồ sơ thiết kế			Đạt	cáo cấp có thẩm quyền xác nhận đảm bảo pháp lý
2.1.3		Hồ sơ nghiệm thu			Đạt	
2.2	**An toàn điện**				**Đạt**	
2.2.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về an toàn điện	Khoảng cách giữa phần mang điện với các bộ phận, công trình xung quanh	Đến 22 kV	≥ 2,0 m	Đạt	Không có cây cối thả dô hoặc xô cành vào các kết cấu công trình trạm biến áp
2.2.2			Đến 35 kV	≥ 3,0 m	Đạt	
2.2.3		Nối đất	Dây nối đất an toàn, nối đất làm việc và nối đất chống sét	Có đủ các điểm nối đất, dây nối đất không bị gỉ hoặc bị đứt	Đạt	
2.2.4		Biển báo an toàn	Biển báo cấm: Biển báo nguy hiểm, cảnh báo: Biển chỉ dẫn; Biển báo yêu cầu có kích thước theo quy định	100%	Đạt	
2.3	**Cung cấp điện**				**Đạt**	
2.3.1	Nguồn điện cung cấp	Đảm bảo về nguồn cấp	Dung lượng vận hành trạm theo nhu cầu sử dụng điện	≤công suất định mức máy biến áp	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt

2.3.2		Đảm bảo về chất lượng điện	Điện áp phía hạ áp tại đầu ra	Không vượt quá +5%; -10% điện áp định mức	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
2.4	**Vận hành**				Đạt	
2.4.1	Nhận dạng về quy trình vận hành	Mua bán điện	Tỷ lệ số công tơ đo đếm điện năng khách hàng trong thời gian kiểm định, nguyên kẹp chì	100%	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
2.4.2			Có đồng hồ đo, bộ biến đổi kiểm tra các thông số vận hành (V; A; VT; CT) trạm đảm bảo các thông số kỹ thuật đang vận hành	100%	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
2.4.3		Thao tác, vận hành	Thiết bị đóng cắt được kiểm tra đủ tiêu chuẩn đóng cắt trước khi thao tác	Có hồ sơ	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
2.4.4			Thiết bị bảo vệ được kiểm tra, bảo trì theo quy định hiện hành	Có hồ sơ	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
2.5	**Kết cấu chịu lực, bảo vệ**				Đạt	

2.5.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về kết cấu chịu lực	Cột điện	Cột bê tông	Không bị vỡ, nứt bê tông để hở cốt thép bên trong	Đạt	
2.5.2			Cột thép	Không nghiêng, các thanh thép đầy đủ, được bảo vệ chống gỉ sắt	Đạt	
2.5.3		Móng cột	Móng bê tông, trụ	Được bảo vệ không bị xói lở	Đạt	
2.5.4		Giá đỡ thiết bị	Xà đỡ, dây néo cột điện	Được bảo vệ chống gỉ, không bị vặn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa	Đạt	
2.5.5			Giá đỡ và kết cấu khác	Được bảo vệ chống gỉ, không bị vặn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa	Đạt	
2.5.6		Cổng, hàng rào bảo vệ trạm (nếu có)	Hàng rào	Móng bờ rào không bị sói mòn, tường rào không bị bong vữa, thủng lỗ, nứt mạch vữa	Đạt	

2.5.7			Cổng ra vào	Có cửa, khóa, ngăn được người và vật nuôi, không bị cong vênh, vật liệu bằng thép không bị gỉ sắt	Đạt	
3	**Đường dây hạ áp**				**Đạt**	
3.1	**Hồ sơ pháp lý**					
3.1.1	Thủ tục, hồ sơ	Dự án đầu tư	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Có hồ sơ, có Quyết định phê duyệt	Đạt	Trường hợp không có hoặc thất lạc hồ sơ, chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền xác nhận đảm bảo pháp lý
3.1.2		Hồ sơ thiết kế			Đạt	
3.1.3		Hồ sơ nghiệm thu			Đạt	
3.2	**An toàn điện**				**Đạt**	
3.2.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để	Khoảng cách thẳng đứng nhỏ nhất từ điểm thấp nhất của dây dẫn ở trạng thái võng lớn nhất đến trong các chế	Đến mặt đất tự nhiên khu vực đông dân cư	≥ 5.5 m	Đạt	
3.2.2			Đến mặt đất tự nhiên khu vực ít dân cư	≥ 5.0 m	Đạt	
3.2.3			Đến mặt đất tự nhiên khu vực khó đến	≥ 4.0 m	Đạt	
3.2.4			Đến mặt đường ô tô cấp I,II	≥ 7.0 m	Đạt	

3.2.5	nhận dạng về an toàn điện	độ làm việc bình thường của đường dây	Đến mặt đường ô tô các cấp còn lại	≥ 6,0 m	Đạt	
3.2.6			Đến mặt ray đường sắt	≥ 8,0 m	Đạt	
3.2.7			Đến mức nước cao nhất ở sông, hồ, kênh có tàu thuyền qua lại	tĩnh không +1,5 m	Đạt	
3.2.8			Đến bãi sông và nơi ngập nước không có thuyền bè qua lại	≥ 5,5 m	Đạt	
3.2.9			Đến mức nước cao nhất trên sông, hồ, kênh mà thuyền bè và người không thể qua lại được	≥ 2,5 m	Đạt	
3.2.10			Đến đường dây thông tin	≥ 1,25 m	Đạt	
3.2.11			Đến mặt đê, đập	≥ 6,0 m	Đạt	
3.2.12		Nối đất	Nối đất lặp lại cho dây trung tính, nối đất vỏ thiết bị	không bị đứt hay gỉ sét	Đạt	
3.2.13			Điện trở nối đất đối với các đường dây đi qua khu vực có nhiều nhà cao tầng, cây cao che chắn, khó có thể bị sét đánh trực tiếp	< 50 Ω	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/**không đạt**
3.2.14			Điện trở nối đất đối với các đường dây đi qua khu vực trống trải không có nhà cửa, công trình, cây che chắn, đường dây dễ bị sét đánh trực tiếp	< 30 Ω	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/**không đạt**

3.2.15		Biển báo an toàn	Có biển báo cấm; biển báo nguy hiểm, cảnh báo; biển chỉ dẫn; biển báo yêu cầu có kích thước theo quy định	100%	Đạt	
3.3	**Chất lượng điện năng**				**Đạt**	
3.3.1	Thông tin, số liệu nhận dạng chất lượng điện năng sử dụng	Điện áp	Trong điều kiện bình thường, độ lệch điện áp cho phép so với điện áp danh định của lưới điện và được xác định tại vị trí đặt thiết bị đo đếm điện hoặc tại vị trí khác do hai bên thỏa thuận	trong khoảng ± 5%	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
3.3.2			Đối với lưới điện chưa ổn định sau sự cố, độ lệch điện áp cho phép	từ +5% đến -10%	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
3.3.3		Tần số	Trong điều kiện bình thường, độ lệch tần số hệ thống điện cho phép so với tần số danh định là 50 Hz	trong phạm vi ± 0,2 Hz	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
3.3.4			Đối với lưới điện chưa ổn định sau sự cố đơn lẻ, độ lệch tần số cho phép so với tần số danh định là 50 Hz	trong phạm vi ± 0,5 Hz	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
3.4	**Dây dẫn điện**				**Đạt**	
3.4.1	Nhận dạng về chủng loại, thông	Kiểu đi dây	Đảm bảo an toàn điện	Lắp trên sứ cách điện có xà đỡ sứ, không mắc dây dẫn điện trên cây xanh, gà trên mái nhà.	Đạt	

3.4.2	tin số liệu dây dẫn hạ áp	Kết nối dây	Mối nối phải được nối bằng ống nối ép chặt hoặc bắt siết ốc chắc chắn	số lượng gíp kẹp ≥ 2 bộ	Đạt	
3.4.3		An toàn dẫn điện	Dòng điện làm việc lớn nhất dây dẫn	Nhỏ hơn dòng điện phát nóng dây dẫn	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả đánh giá: **đạt/không đạt**
3.4.4		An toàn cách điện	Dây trần	Có sứ cách điện trên cột	Đạt	
3.4.5			Dây bọc	Dây không nứt, rách, có sứ cách điện trên cột	Đạt	
3.4.6			Dây cáp dẫn điện	Được chôn dưới đất hoặc treo có cáp thép chịu lực	Đạt	
3.4.7		An toàn về cơ học	Dây trần và dây bọc	Dây không bị bong dứt sợi cáp bện	Đạt	
3.5	**Kết cấu chịu lực**				**Đạt**	
3.5.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về kết cấu	Cột điện	Cột bê tông	Không bị vỡ, nứt bê tông để hở cốt thép bên trong	Đạt	
3.5.2			Cột thép	Không nghiêng, các thanh thép đầy đủ, được bảo vệ chống gỉ sắt	Đạt	

3.5.3	chịu lực.		Cột gỗ, tre trên nhánh rẽ về hộ gia đình	Cao tối thiểu 5m, đường kính ngọn tối thiểu 80mm, được xử lý chống mối mục.	Đạt	
3.5.4		Kết cấu hỗ trợ chịu lực	Dây néo thép, thanh chống	Có bảo vệ, chống gỉ sắt	Đạt	
3.5.5			Móng néo	Được bảo vệ chống xói lở	Đạt	
3.5.6		Móng cột	Móng bê tông, trụ	Được bảo vệ không bị xói lở	Đạt	
3.5.7			Móng đà cản	Được bảo vệ không bị xói lở	Đạt	
3.5.8			Móng đất	Được bảo vệ không bị xói lở	Đạt	
3.5.9		Xà giá đỡ	Xà đỡ, néo dây điện	Được bảo vệ chống gỉ, không bị vặn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa	Đạt	
3.5.10			Giá đỡ và kết cấu khác	Được bảo vệ chống gỉ, không bị vặn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa	Đạt	
3.6	**Vận hành**				Đạt	
3.6.1		Đường dây	Sơn chỉ rõ tên và mạch trên các vị trí cột	Có đánh số	Đạt	

3.6.2	Nhận dạng về quy trình vận hành	Các quy trình vận hành	Quy trình kiểm tra an toàn vận hành.	Có sổ theo dõi	Đạt	
3.6.3			Quy trình sửa chữa, khắc phục sự cố	Có sổ theo dõi	Đạt	
3.6.4		Trong mạch điện ba pha bốn dây	Thiết bị đóng cắt (áp-tô-mát, cầu dao, cầu chì) đặt trên dây pha	Cắt thiết bị các dây không có điện	Đạt	
3.6.5		Trong mạch điện một pha hai dây	Áp-tô-mát, cầu chì và công tắc đặt trên dây pha	Cắt thiết bị hai dây không có điện	Đạt	
4	**Dây dẫn về hộ gia đình sau công tơ điện và công tơ điện**				**Đạt**	
4.1	**Dây sau công tơ**				**Đạt**	
4.1.1	Nhận dạng về chủng loại, thông tin số liệu dây dẫn sau công tơ	Loại dây dẫn về hộ gia đình	Tiết diện dây bọc cách điện hoặc cáp điện phải phù hợp với công suất sử dụng của các hộ sử dụng điện.	Dây bọc cách điện, tiết diện tối thiểu 2,5 mm^2	Đạt	
4.1.2		An toàn treo dây dẫn	Khoảng cách từ công tơ về nhà dưới 20 m	Có hãm dây hai đầu trên sứ cách điện hạ áp hoặc sử dụng kẹp hãm, kẹp siết 2 đầu	Đạt	
4.1.3			Khoảng cách từ công tơ về nhà từ 20 m trở lên	Có hãm dây hai đầu trên sứ cách điện hạ áp hoặc sử dụng kẹp hãm, kẹp siết 2 đầu, có cột đỡ trung gian	Đạt	

4.1.4			Dây dẫn căng vượt đường ô tô	Có hãm dây hai đầu trên sứ cách điện hạ áp, có dây văng đỡ dây, khoảng cách an toàn tới đất kiểm tra theo tiêu chuẩn đường dây hạ áp	Đạt	
4.2	**Kết cấu sau công tơ điện và loại công tơ**				Đạt	
4.2.1	Thông tin, số liệu nhận dạng	Cột đỡ trung gian	Loại cột	Gỗ hoặc tre, cao ≥ 4,0 m, đường kính ≥ 80 mm	Đạt	
4.2.2			Bảo vệ an toàn cho cột	Được chôn dưới đất, không bị nghiêng, không ảnh hưởng đến việc giao thông đi lại	Đạt	
4.2.3		Hợp đồng mua bán điện	Các hộ dân ký hợp đồng mua bán điện theo giá quy định của Chính phủ	100 % các hộ dân được ký hợp đồng	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: **đạt/không đạt**
4.2.4		Công tơ điện	Chất lượng	Có kiểm định còn thời hạn, được kẹp chì niêm phong	Đạt	
4.2.5		Bảo vệ công tơ	Hòm công tơ	Công tơ được đặt trong hòm composite hoặc sơn tĩnh điện treo trên cột hoặc tường nhà	Đạt	

4.3	**Điện trong nhà**				**Đạt**	
4.3.1	Thông tin, số liệu nhận dạng	Bảng điện tổng	Có cầu chì/aptomat, công tắc, ổ cắm đặt cố định trên tường hoặc khung nhà	100 % các hộ dân	đạt	Trưởng thôn (bản, buôn) báo cáo đánh giá chung, cung cấp kết quả để đánh giá **đạt/ không đạt**
4.3.2		Dây điện	Có vỏ cách điện, dây điện được cố định trên tường hoặc khung nhà hoặc chôn trong tường	100 % các hộ dân	đạt	
II	**Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên (Tiêu chí 4.2)**				Đạt	
1	**Khu vực lưới điện kết nối lưới điện quốc gia**				**Đạt**	
1.2	Thông tin nhận dạng về sử dụng điện lưới quốc gia	Tỷ lệ số hộ dùng điện thường xuyên	Tỷ lệ số hộ dùng điện thường xuyên đối với vùng Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ	≥ 99 %	Đạt	
1.3			Đối với vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long	≥ 98 %	Đạt	
1.4			Đối với vùng Trung du miền núi phía bắc; các xã theo Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 01 năm 2022	≥ 95 %	Đạt	

			phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025			
.5		Ngừng, giảm mức cung cấp điện	Thông báo cho khách hàng biết trước thời điểm ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện	≥ 05 ngày	Đạt	
1.6			Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng	Trong 3 ngày liên tiếp	Đạt	
2	**Khu vực sử dụng điện từ nguồn năng lượng tái tạo, trạm Diezen độc lập**				**Đạt**	
2.1	Nguồn năng lượng tái tạo.	Có công suất ≥ 50 kW	Tổ chức có giấy phép hoạt động điện lực	Tỷ lệ hộ dân khu vực nhà máy kết nối ≥ 95 %	Đạt	
2.2		Có công suất < 50 kW	Tổ chức, cá nhân kinh doanh bán điện trực tiếp	Tỷ lệ hộ dân khu vực nhà máy kết nối ≥ 85 %	Đạt	